VFM
VIETFUND MANAGEMENT

Số :2501/VFM.2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/*Dear* : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30**/ *Fund name:* ***VFMVN30 ETF***
- Mã ccq/Code: **E1VFVN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* 25/01/2019
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BMP	100	0.34%
2	CII	480	0.81%
3	CTD	110	1.01%
4	CTG	980	1.40%
5	DHG	90	0.53%
6	DPM	410	0.65%
7	FPT	1,210	3.60%
8	GAS	250	1.57%
9	GMD	670	1.23%
10	HPG	3,360	7.03%
11	HSG	660	0.30%
12	KDC	330	0.47%
13	MBB	3,130	4.65%
14	MSN	1,380	7.54%
15	MWG	730	4.28%
16	NVL	840	3.36%
17	PLX	310	1.16%
18	PNJ	360	2.29%
19	REE	450	1.04%
20	ROS	370	0.91%
21	SAB	250	4.08%
22	SBT	830	1.16%
23	SSI	790	1.41%
24	STB	4,520	3.86%
25	VCB	950	3.69%
26	VIC	1,620	11.67%
27	VJC	710	5.87%
28	VNM	1,210	11.49%
29	VPB	4,790	6.78%
30	VRE	2,770	5.67%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spead between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,425,013,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,427,419,051

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 2,406,051

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán Securities symbol	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng Applied investors	Lý do State the reason

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/*Criteria*	Kỳ này/*This period* **25/01/2019**	Kỳ này/This period **24/01/2019**	Chênh lệch/ *Changes*
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	3	6	-3
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	300,700,000	300,400,000	300,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	14,200	14,270	-70
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	4,279,402,315,010	4,256,712,986,635	22,689,328,375
của một lô ETF/per Creation Unit	1,427,419,051	1,421,747,825	5,671,226
của một chứng chỉ quỹ/per Share	14,274.19	14,217.47	56.72
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	944.60	942.23	2.37

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/*Fund Management Company VFM*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Trần Thanh Tân

Tổng Giám đốc/CEO